

Số: 82/2024/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 23 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 428/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 467/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa:

- **Người yêu cầu:**

1. Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1988; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Cộng hòa Liên Bang Đ. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. Anh Huỳnh Đại T, sinh năm 1975; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Phường E, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; địa chỉ hiện nay: Cộng hòa Liên Bang Đ. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được chị N, anh T ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1961; địa chỉ: Số nhà C, ngõ B N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Trần Thị Hồng N, anh Huỳnh Đại T và các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng N và anh Huỳnh Đại T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/5/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống cùng nhau một thời gian ngắn. Khoảng năm 2015, anh T đi xuất khẩu lao động tại C Liên Bang Đ. Năm 2017, chị N sang Đ cùng anh T. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, định hướng tương lai khác nhau, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Từ cuối năm 2023 đến nay, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Huỳnh Bảo Đ1, sinh ngày 26/01/2015. Hiện nay cháu Đ1 đang ở cùng chị N tại Cộng hòa Liên Bang Đ. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Đ1 cho chị N nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, chị N và anh T đều có quan điểm xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Hồng N và anh Huỳnh Đại T. Về con chung: Giao cho chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Huỳnh Bảo Đ1, sinh ngày 26/01/2015. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết. Về lệ phí: Chị N và anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Hồng N và anh Huỳnh Đại T hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Liên Bang Đ. Chị N có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các tài liệu chị N, anh T gửi về và ủy quyền cho bà Phạm Thị N1 nộp thay gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn trình bày nguyện vọng của cháu Đ1 đều có xác nhận của Đ2 tại Cộng Hòa L nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp, chị N, anh T vắng mặt, đều có quan điểm xin vắng mặt nên căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng N và anh Huỳnh Đại T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/5/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N và anh T đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và không tin tưởng nhau. Từ cuối năm 2023 đến nay, chị N và anh T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Huỳnh Bảo Đ1, sinh ngày 26/01/2015. Hiện nay cháu Đ1 đang sống cùng chị N ở C Liên Bang Đ. Khi ly hôn, chị N và anh T thống nhất thỏa thuận giao cháu Đ1 cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ1, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về vấn đề cấp dưỡng, các đương sự tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Chị N và anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng N và anh Huỳnh Đại T.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T. Giao cho chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Huỳnh Bảo Đ1, sinh ngày 26/01/2015 kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị N và anh T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do bà Phạm Thị N1 nộp thay, theo Biên lai thu số 0005087 ngày 06/9/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N và anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Mai Hoa